

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST

Ngày: 16-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Sơn.

2. Ông Nguyễn Mai Độ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2013/TLST-KDTM ngày 06/12/2013 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần A.**

Địa chỉ trụ sở: Số X đường Tr, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Mai Văn H** – Nhân viên Tổ xử lý nợ - Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Cần Thơ. (*Văn bản ủy quyền số 84/2019/GUQ-VAB ngày 12/6/2019*) (*Có mặt*)

Bị đơn: Ông **Lê Minh H1**, sinh năm 1971. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu vực Th, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Dương Thanh T**, sinh năm 1975. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Số K đường L, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ. (*Văn bản ủy quyền ngày 24/12/2013*)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Dương Thanh T**, sinh năm 1975. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Số K đường L, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Ông **La Quốc Kh**, sinh năm 1979. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Số M đường Q, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Ông **Nguyễn Đình H2**, sinh năm 1953. *(có đơn xin vắng mặt)*

- Bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1955. *(có đơn xin vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Số P Quốc lộ 1, khu vực A, phường B, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A (do ông Mai Văn H đại diện) trình bày:**

Vào ngày 08/7/2011, Ngân hàng Thương mại cổ phần A – Chi nhánh Cần Thơ – Phòng giao dịch Ninh Kiều (sau đây viết tắt là Ngân hàng A) có cho ông Lê Minh H1 vay số tiền 500.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 1209/11/VAB-PGDNK/HĐNH; mục đích vay để bổ sung vốn nuôi cá tra xuất khẩu; thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 08/7/2011 đến ngày 08/7/2012); lãi suất vay 1,95%/tháng và được điều chỉnh 01 tháng/lần kể từ khi bên vay nhận tiền vay lần đầu nhưng tối đa không vượt mức trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng nhà nước; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Hợp đồng tín dụng trên được đảm bảo bằng tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0419/11/VAB-CT/TCBLBĐS ngày 30/7/2011 và được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Cần Thơ ngày 30/7/2011, số công chứng 1209, quyền số 02/2010/TP/CC-SCC/HĐGD gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 94m², thửa số 44, tờ bản đồ số 73. Đất tọa lạc tại số 6/1 đường 3/2, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Tài sản gắn liền với đất: Nhà cấu trúc cấp 2, số tầng 2 tầng, diện tích xây dựng 94m², diện tích sử dụng 188m². Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 546989, số vào sổ H06076.QSĐĐ do UBND quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cấp ngày 24/6/2009 do ông Dương Thanh T và ông La Quốc Kh đứng tên.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng thì bên vay có thể trả nợ gốc 01 lần khi kết thúc thời hạn vay hoặc nhiều lần trong thời hạn vay của hợp đồng, tiền lãi được trả vào ngày 08 tây hàng tháng. Tuy nhiên, đến nay hợp đồng đã quá hạn nhưng ông H1 vẫn chưa thanh toán vốn và lãi theo thỏa thuận. Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng ông H1 vẫn không thực hiện.

Tính đến ngày 16/12/2019, ông H1 còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền là 2.228.001.066 đồng. Trong đó, nợ gốc là 500.000.000 đồng, lãi quá hạn là 1.728.001.066 đồng.

Do đó, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông Lê Minh H1 phải thanh toán số tiền nêu trên và chịu lãi phát sinh từ ngày 17/12/2019 đến khi trả dứt nợ. Nếu ông H1 không thực hiện trả nợ thì yêu cầu Tòa án phát mãi tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

*** Tại Bản tự khai ngày 23/7/2020 và Văn bản ý kiến ngày 01/6/2020, ông Nguyễn Đình H2 và bà Bùi Thị N trình bày:**

Trước đây, ông Dương Thanh T và ông La Quốc Kh có tranh chấp với ông bà về hợp đồng mua bán nhà. Tại bản án số 146/2018/DS-ST ngày

26/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên xử hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa nguyên đơn ông Dương Thanh T, ông La Quốc Kh với bị đơn ông Nguyễn Đình H2, bà Bùi Thị N ký ngày 16/5/2007.

Quan hệ vay vốn thế chấp tài sản giữa ông Lê Minh H1 và Ngân hàng A ông bà không biết. Nay ông bà không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng A về việc phát mãi tài sản thế chấp. Yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa ông Lê Minh H1 với Ngân hàng A theo quy định của pháp luật. Do sức khỏe của bản thân không đảm bảo nên ông bà yêu cầu vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc ông Lê Minh H1 thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền nợ gốc và lãi (tạm tính đến ngày 16/9/2020) là 2.038.425.000 đồng. Trong đó, nợ gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 116.750.000 đồng, tiền lãi phạt chậm trả gốc 1.421.675.000 đồng; đồng thời yêu cầu ông H1 tiếp tục chịu khoản lãi phát sinh từ ngày 17/9/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông H1 trả tiền lãi phạt chậm trả lãi là 350.702.004 đồng và yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp.

- Bị đơn ông Lê Minh H1 (đại diện là ông Dương Thanh T), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Thanh T và ông La Quốc Kh vắng mặt không có lý do; ông Nguyễn Đình H2, bà Bùi Thị N có đơn xin vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, xác định tư cách đương sự và tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định.

+ Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 116.750.000 đồng, tiền lãi phạt chậm trả gốc 1.421.675.000 đồng, tổng cộng 2.038.425.000 đồng.

Đồng thời đề nghị áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp và yêu cầu trả lãi phạt chậm trả lãi số tiền 350.702.004 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh tranh chấp nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự giữa tổ chức với cá nhân, được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Minh H1 (đại diện là ông Dương Thanh T), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Thanh T và ông La Quốc Kh đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do; ông Nguyễn Đình H2, bà Bùi Thị N có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào nội dung của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1209/11/VAB-PGDNK/HĐNH ngày 08/7/2011, Giấy đề nghị vay vốn ngày 02/7/2011 và Thông báo chấp thuận đầu tư ngày 08/7/2011 có thể hiện, Ngân hàng A đồng ý cho ông Lê Minh H1 vay số tiền 500.000.000 đồng, phương thức giải ngân một lần bằng tiền mặt khi ký hợp đồng tín dụng. Từ đó có cơ sở để xác định Ngân hàng A đã giải ngân cho ông Lê Minh H1 số tiền 500.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng tín dụng đã được các bên tự nguyện giao kết với nhau, về nội dung và hình thức của hợp đồng tín dụng thỏa mãn các điều kiện được quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005 nên các bên có nghĩa vụ phải thực hiện. Trong quá trình vay vốn, ông H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng nên Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông H1 trả tổng số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có cơ sở để chấp nhận. Như vậy, tính đến ngày 16/9/2020, ông H1 còn nợ Ngân hàng A số tiền gốc và lãi là 2.038.425.000 đồng, trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 116.750.000 đồng, tiền lãi phạt chậm trả gốc 1.421.675.000 đồng. Do đó, cần buộc ông H1 trả cho Ngân hàng A số tiền gốc và lãi nêu trên là phù hợp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông H1 trả tiền lãi phạt chậm trả lãi là 350.702.004 đồng và yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 0419/11/VAB-CT/TCBLBĐS ngày 30/7/2011. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải chịu án phí, cụ thể: $[72.000.000 \text{ đồng} + (38.425.000 \text{ đồng} \times 2\%)] = 72.768.500 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 30; Điều 35; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 122 Bộ luật dân sự 2005;
- Điều 91; Điều 94; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A:

Buộc bị đơn ông Lê Minh H1 trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 2.038.425.000 đồng. *(Hai tỷ, không trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*

(Trong đó: nợ gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 116.750.000 đồng, tiền lãi phạt chậm trả gốc 1.421.675.000 đồng)

Kể từ ngày 17/9/2020 ông Lê Minh H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc:

- Yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0419/11/VAB-CT/TCBLBĐS ngày 30/7/2011 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A với ông Dương Thanh T.

- Yêu cầu ông Lê Minh H1 trả tiền lãi phạt chậm trả lãi số tiền là 350.702.004 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu, bảy trăm lẻ hai nghìn, không trăm lẻ bốn đồng)*.

3/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Lê Minh H1 phải nộp số tiền 72.768.500 đồng *(Bảy mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm đồng)*.

- Ngân hàng thương mại cổ phần A được nhận lại số tiền 19.698.000 đồng *(Mười chín triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 000146 ngày 06/12/2013 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế

